

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ ĐỒNG KỲ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1383 /QĐ-UBND

Đồng Kỳ, ngày 29 tháng 12 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách xã Đồng Kỳ năm 2023**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỒNG KỲ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Quyết định số: 729/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022 của UBND huyện Yên Thế về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội; dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ Nghị quyết số: 80/NQ-HĐND ngày 27/12/2021 của HĐND xã Đồng Kỳ về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;*

*Căn cứ quyết định số: 1026/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND xã Đồng Kỳ về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023.*

*Theo đề nghị của Công chức Tài chính - Kế toán xã.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách xã Đồng Kỳ năm 2023 cụ thể như sau:

I. Về công khai số liệu ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2023. (Chi tiết theo các mẫu biểu số 113/CKTC-NSNN; 114/CKTC-NSNN và 115/CKTC-NSNN đính kèm).

II. Công khai thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách năm 2023 cụ thể như sau:

1. Về thu ngân sách: (Chi tiết theo biểu số 114 kèm theo)

-Thu ngân sách Nhà nước ước thực hiện năm 2023: 73.926.508.034 đồng. Thu ngân sách xã: 23.432.030.228 đồng đạt 284,74% dự toán. Trong đó: Phí lệ phí: 47.690.549 đồng đạt 66,32% dự toán; Lệ phí môn bài: 27.500.000 đồng đạt 110% dự



toán; thu từ quỹ đất công ích: 24.682.000 đồng đạt 98,73% dự toán; Thu khác ngân sách: 4.200.000 đồng đạt 14,63% dự toán; ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 65.632.551 đồng đạt 87,32% dự toán; Lệ phí trước bạ nhà đất: 294.442.566 đồng đạt: 192,45% dự toán; Thuế GTGT: 30.106.359 đạt 127,24% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản: 638.577.759 đồng đạt 608,17% dự toán; Thuế thu nhập cá nhân hộ kinh doanh: 17.388.641 đồng đạt 115,92% dự toán; Thu tiền sử dụng đất: 5.501.044.500 đồng đạt: 183,37% dự toán; Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 15.378.653.000 đồng đạt 327,54% dự toán; Thu chuyển nguồn năm trước: 1.402.112.303.

## 2. Về chi ngân sách (chi tiếp theo biểu số: 115 kèm theo)

+Chi ngân sách ước thực hiện năm 2023: 20.352.583.600 đồng đạt 247,32% dự toán; Trong đó: -Chi thường xuyên: 5.979.106.600 đồng đạt 130% dự toán. Chi tiết: Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự: 342.624.000 đồng đạt 95,91% dự toán; Chi sự nghiệp giáo dục: 41.842.000 đồng; Chi sự nghiệp y tế: 200.000.000 đồng; Chi sự nghiệp môi trường khác: 15.825.000 đồng đạt 86,01% dự toán; Chi văn hóa thông tin: 69.736.000 đạt: 151,57% dự toán; Chi phát thanh, truyền thanh: 14.390.000 đồng đạt 21,61% dự toán; Chi sự nghiệp TĐTT: 15.840.000 đồng đạt 97,15% dự toán; Chi sự nghiệp giao thông: 32.357.000 đồng đạt 40,45% dự toán; chi sự nghiệp Nông lâm-thủy lợi: 35.659.000 đồng đạt 44,57% dự toán; Chi sự nghiệp nông nghiệp, khuyến nông, thú y: 127.152.000 đồng đạt 126,27% dự toán; Chi quản lý Nhà nước: 4.700.489.600 đồng đạt 113,12% dự toán (chi lương, phụ cấp, chi hoạt động UBND, chi hoạt động các ban ngành đoàn thể, chi lễ đón nhận xã đạt chuẩn NTM và tái bản cuốn lịch sử Đảng...); Chi công tác xã hội: 186.999.000 đồng đạt 117,24% dự toán chi trợ cấp hưu xã, chi khác; Chi khác: 194.610.000 đồng đạt 100% dự toán; chi dự phòng ngân sách: 127.000.000 đồng đạt 100% dự toán chi công tác chi tiêu độc khử trùng; chi công tác phòng chống thiên tai...- Chi XDCB: 14.373.477.000 đồng đạt 247,32 % dự toán (Chi trả nợ công trình XDCB, công trình mới xã từ nguồn ngân sách huyện bổ sung cho ngân sách xã, nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách xã, nguồn chương trình MTQG XDNTM).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng UBND xã, Công chức Tài chính - Kế toán xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

### Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính-kế hoạch
- TT ĐU, HĐND, UBND, MTTQ xã;
- Đảng ủy viên, trưởng các đoàn thể xã;
- Đại biểu HĐND xã, Bí thư chi bộ, trưởng thôn;
- Đài TT xã;
- Công TTĐT xã; PMQCDC tỉnh;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Lâm

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>8.229.208.000</b>	<b>23.432.030.228</b>	<b>284,74</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	151.906.000	104.072.549	68,51
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.382.167.000	6.547.192.376	193,58
3	Thu bổ sung	4.695.135.000	15.378.653.000	327,54
4	Thu chuyên nguồn		1.402.112.303	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>8.229.208.000</b>	<b>20.190.418.600</b>	<b>245,35</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000.000	14.373.477.000	479,12
2	Chi thường xuyên	5.102.208.000	5.816.941.600	114,01
3	Dự phòng	127.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



## ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	5 = 3/1	6 = 4/2
A	Tổng số thu	35.487.208.000	8.229.208.000	73.926.508.034	23.432.030.228	208.32	284,74		
I	Các khoản thu 100%	151.906.000	151.906.000	104.262.508	104.072.549	68,64	68,51		
	Lệ phí môn bài	25.000.000	25.000.000	27.500.000	27.500.000	110	110		
	Thu hồi các khoản chi năm trước								
1	Phí, lệ phí	71.906.000	71.906.000	47.690.549	47.690.549	66,32	66,32		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	25.000.000	25.000.000	24.682.000	24.682.000	98,73	98,73		
	Thu từ quỹ đất công ích			24.682.000	24.682.000				
	Thu từ hoa lợi công sản trên đất công								
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất								
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp								
4	Thu phạt, thu khác								
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định								
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp từ nguyên của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	30.000.000	30.000.000	4.389.959	4.200.000	14,63	14		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	30.640.167.000	3.382.167.000	57.041.480.223	6.547.192.376	186,17	193,58		
1	Các khoản thu phân chia	381.167.000	228.167.000	693.017.283	360.075.117	181,81	157,81		
11	Thu sử dụng đất phi nông nghiệp	75.167.000	75.167.000	65.632.551	65.632.551	87,32	87,32		
12	Thu sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh								
14	Lệ phí trước bạ nhà, đất	306.000.000	153.000.000	627.384.732	294.442.566	205,03	192,45		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	30.259.000.000	3.154.000.000	56.348.462.940	6.187.117.259	186,22	196,17		
21	Thu tiền sử dụng đất	30.000.000.000	3.000.000.000	55.010.445.000	5.501.044.500	183,37	183,37		
22	Thu tiền thuế đất, mặt nước								
23	Thuế tài nguyên								
24	Thuế giá trị gia tăng	34.000.000	34.000.000	43.260.304	30.106.359	127,24	88,55		
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
26	Thuế thu nhập cá nhân	225.000.000	120.000.000	1.294.637.636	655.966.400	575,39	546,64		

	Từ Hộ kinh doanh	15.000.000	15.000.000	17.482.118	17.388.641	116,55	115,92
	Từ chuyển nhượng Bất động sản	210.000.000	105.000.000	1.277.155.518	638.577.759	608,17	608,17
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt			120.000			
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			1.402.112.303	1.402.112.303		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.695.135.000	4.695.135.000	15.378.653.000	15.378.653.000	327,54	327,54
	Bổ sung cân đối ngân sách	4.234.404.000	4.234.404.000	4.234.404.000	4.234.404.000	100	100
	Bổ sung có mục tiêu	460.731.000	460.731.000	11.144.249.000	11.144.249.000	2418,82	2418,82



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
<b>I</b>	<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>8.229.208.000</b>	<b>23.432.030.228</b>	<b>284,74</b>
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	151.906.000	104.072.549	68,51
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	3.382.167.000	6.547.192.376	193,58
3	Thu bổ sung	4.695.135.000	15.378.653.000	327,54
4	Thu chuyên nguồn		1.402.112.303	
<b>II</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>8.229.208.000</b>	<b>20.190.418.600</b>	<b>245,35</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000.000	14.373.477.000	479,12
2	Chi thường xuyên	5.102.208.000	5.816.941.600	114,01
3	Dự phòng	127.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

